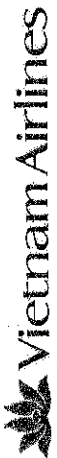




**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3      Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

ĐIỀU KIỆN				J-C	D-I	Y-B-M-S	K-L-Q-N-R-T	G-A-E-P
00. Áp dụng	Mức giá	Giá là giá một chiều. Giá khứ hồi bằng 2 lần giá một chiều.						
	Hạng đặt chỗ	Hạng đặt chỗ là ký tự đầu tiên của loại giá (fare basis).						
04. Giới hạn chuyến bay	Giá -VNT-/VNA-/VNW-/VN	Các chuyến bay không áp dụng: Từ VN4000 đến VN4999						
	Giá -VNF-	Các chuyến bay không áp dụng: Từ VN4000 đến VN4999	Giá Y-S-K-L-: Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999. Giá M-Q-N-R-T-: Áp dụng trên tất cả các chuyến bay VN					-Giá G-/A-/P-: Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999. -Giá E-: Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999. -Giá G-/A-/P-: Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999, từ VN8000 đến VN8999. -Giá E-: Không áp dụng trên tất cả các chuyến bay VN.
05. Đặt chỗ, xuất vé	Đặt chỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá JH-MH-SH-:</b> Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.</li> </ul>						
	Xuất vé	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá -PX:</b> Xuất vé trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (đối với giá P-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá G-/A-/E-)</li> <li>• <b>Giá -APL/24:</b> Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (đối với giá P-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá G-/A-/E-) (b) Tối thiểu 1 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay.</li> </ul>						
06/07. Thời hạn dừng tối thiểu/tối đa	Giá-VNT-	Lưu ý: Vé có chặng bay VN*/B/L phải được xuất đơn chặng						
	Go-show	Áp dụng theo quy định của khách đoàn về đặt chỗ xuất vé						
10. Xây dựng & kết hợp giá	Giá-VNF-	Phụ lục 3						
	Giá -VNW-/VNA-	NA/12 tháng						
	Giá-VNT-	Được phép với các giá -VNF- trên các chuyến bay từ VN0001 đến VN3999, từ VN5000 đến VN9999.						
• Kết hợp trên cơ sở ½ giá khứ hồi để tạo thành hành trình REACT.	Giá-VNF-	Được phép giữa các giá Web của VN						
	Giá-VNT-	Chỉ được phép kết hợp với loại giá -VNT- trong cùng biểu giá						



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3      Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

ĐIỀU KIỆN		J-C	D-I	Y-B-/M-/S-	K-/L-/Q-/N-/R-/T-	G-/A-/E-/P-	
trình phụ	Giá -VN	Được phép kết hợp với mọi loại giá.					
11. Thời gian không áp dụng							
15. Hạn chế bán	Giá -VNF-/VNT-	Áp dụng bán tại Việt Nam. Mã vé 738. Loại tiền VND					
	Giá -VNW-	Áp dụng bán trên websites của VN. Mã vé 738. Loại tiền VND					
	Giá -VNA-	Áp dụng bán tại đại lý web của VN. Mã vé 738. Loại tiền VND					
	Giá -VN	Áp dụng bán toàn thế giới ngoại trừ Việt Nam. Loại tiền USD					
16. Phạt/thay đổi	Giá -VNF-/VNT-/VNW-/VNA-	Hoàn	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Được phép, phí 300.000 VND	Được phép, phí 300.000 VND	Không được phép	
			Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá JH-: Được phép, phí 300.000 VND</li> <li>Giá khác: Được phép, phí 300.000 VND</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá MH-/SH-: Được phép, phí 600.000 VND</li> <li>Giá khác: Được phép, phí 300.000 VND</li> </ul>		
	Thay đổi	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Miễn phí	Được phép, phí 300.000 VND	Được phép, phí 300.000 VND	Được phép, phí 600.000 VND	Không được phép
		Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Miễn phí	Miễn phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá MH-/SH-/MGVNT/SGVNT: Được phép, phí 300.000 VND</li> <li>Giá khác: Miễn phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá MH-/SH-: Được phép, phí 600.000 VND</li> <li>Giá MGVNT/SGVNT: Được phép, phí 300.000 VND</li> <li>Giá khác: Miễn phí</li> </ul>	
Giá -VN	Hoàn	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Được phép, phí 300USD	Được phép, phí 300USD	Được phép, phí 300USD	Không được phép	
		Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Được phép, phí 50USD	Được phép, phí 50USD	Được phép, phí 50USD		

*Handwritten signature*



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3

Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 3/10

ĐIỀU KIỆN		J-C-	D-I-	Y-B-/M-/S-	K-A-/Q-/N-/R-/T-	G-/A-/E-/R-
	Thay đổi	Được phép, miễn phí	Được phép, phí 30USD	Được phép, miễn phí	Được phép, phí 30USD	Được phép, phí 50USD
	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé					
	Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé				Được phép, phí 50USD	Không được phép
<b>Giá VNF-/VNT-/VNW-/VNA:-</b>						
(a) Đối với chặng bay VN*/BL, phải xuất lại vé và vé mới phải là đơn chặng.						
(b) Nâng hạng dịch vụ: Đối với khách tour/ đoàn, khi nâng hạng dịch vụ không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu. Áp dụng giá FIT hạng thương gia cho khách nâng hạng dịch vụ						
(c) Hoàn vé của khách đoàn: Khi hoàn vé, phải đảm bảo số khách tối thiểu của đoàn theo quy định của điều kiện giá.						
<b>18. Ghi vé</b>	<b>Giá -VNF-/VNT-/VNW-/VNA-</b>	"MOU THAY DOI LIEN HE HKVN TRUOC NGAY KHOI HANH"				
<i>VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.</i>	<b>Giá -VN</b>	"NON-END RESTRICTION MAY APPLY"				
<b>19. Giảm giá cho trẻ em/ trẻ nhỏ</b>	Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Tính bằng 90% giá áp dụng cho người lớn				
	Trẻ nhỏ <2 tuổi không sử dụng chỗ đi cùng người lớn	Tính bằng 10% giá áp dụng cho người lớn				
<b>22. Giảm giá khác: Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA</b>	<b>Thuế/Phí/Lệ phí (TFC)</b>	<b>Phụ lục 2</b>				
<i>- Các mức phí hoàn/đối không được giảm theo tỷ lệ tương ứng</i>	Hành lý miễn cước	Giá chưa bao gồm các loại thuế/phi/lệ phí (TFC). Nội xuất vé có trách nhiệm thu tất cả các loại thuế/phi/lệ phí (TFC) tương ứng với giá và nộp vé cho VN				
<b>23. Quy định khác</b>	Số lượng khách tối thiểu của mỗi đoàn	Áp dụng mức hành lý tính được tự động trên hệ thống.				
	Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau	10 người. Trẻ nhỏ không được tính là số lượng khách tối thiểu của đoàn.				
<b>Bán vé giữ chót tại sân bay</b>		Hành khách của đoàn phải đi cùng nhau trên cả hành trình				
		<b>Phụ lục 3</b>				

*Handwritten signature*



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3      Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018  
**PHỤ LỤC 1: THỜI GIAN KHÔNG ÁP DỤNG**

- Giá K-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-: Không áp dụng,
- Các loại giá khác:

LOẠI GIÁ	J-	C-	D-	Y-/M-/S-	G-/E-/P-
Giá : -VNF-/ -VNW-/ -VNA-/ -VNT-	SGN-HAN				28/01/2019-03/02/2019
	SGN – HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UHH/THD/DL/NHA/DAD/HUI; HAN-VII;PXU/VCA-HAN				28/01/2019-06/02/2019
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UHH/THD/DL/NHA/DAD/HUI - SGN; NHA/DAD/VII-HAN;HAN-PXU/VCA PQC-HAN/SGN				08/02/2019-11/02/2019
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN-PQC				06/02/2019-08/02/2019
	<b>Chặng bay và giai đoạn ÁP DỤNG đối với giá JH-/MH-/SH- (áp dụng theo đúng chiều)</b>				
SGN-HAN					28/01/2019-03/02/2019
SGN – HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UHH/THD/DL/NHA/DAD/HUI; HAN-VII; PXU/VCA-HAN					28/01/2019-06/02/2019
HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UHH/THD/DL/NHA/DAD/HUI - SGN; NHA/DAD/VII-HAN; HAN-PXU/VCA PQC-HAN/SGN					08/02/2019-11/02/2019
HAN-NHA/DAD; HAN/SGN-PQC					06/02/2019-08/02/2019

*Handwritten signature*



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3

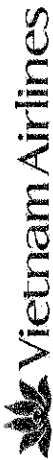
Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

**PHỤ LỤC 2: GIẢM GIÁ KHÁC**

Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA. Không áp dụng đồng thời 2 chương trình giảm giá cho cùng đối tượng, không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999.

Đối tượng áp dụng	Giá áp dụng	Fare basis Ghi <loại giá>/<mã giảm giá> <% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh hiển thị giá/tính giá
Hành khách Việt Nam 60 tuổi trở lên	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-	-/SR15	Bản sao giấy tờ tùy thân	FQHANSGN-VN#PSRC WPPSRC
Người lớn	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-	-/DII15	Giấy xác nhận khuyết tật được chủ tịch UBND xã/phường/quận/huyện/thành phố... cấp theo quy định tại thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLD/TTBXH-	FQHANSGN-VN#AC*DIS WPAC*DIS
Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	-/DICH10	BYT-BGĐT ngày 28/12/2012 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.	FQHANSGN- VN#AC*DIS#Q/#ARCH10 WPAC*DIS#PCNN
Trẻ nhỏ		-/DIIN90		FQHANSGN- VN#AC*DIS#Q/DIIN90 WPAC*DIS#PINF
Người lớn	70% giá M-/S-/K-/Q-/R-/SGN-VCS v.v	-/AR30		FQSGNVCS-VN#AC*VCS WPAC*VCS
Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Côn Đảo	-/ARCH10	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQSGNVCS- VN#AC*VCS#Q/ARCH10 WPAC*VCS#PCNN
Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQSGNVCS- VN#AC*VCS#Q/ARIN90 WPAC*VCS#PINF

*Handwritten signature*



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

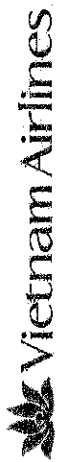
Số: DKC18/ND version 3

Điều lệ: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 6/10

Đối tượng áp dụng	Giá áp dụng	Fare basis Ghi <loại giá>/<mã giảm giá>/<% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Cấu lệnh hiển thị giá/tính giá
Quần nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Côn Đảo	Người lớn 70% giá M-/S-/K-/Q-/R- SGN-VCS v.v	-ARS0	Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản, và bản sao chứng minh thư nhân dân	FQSGNVCS-VN#AC*VCS WPAC*VCS
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Cà Mau	Người lớn 85% giá M-/S-/K-/Q-/R- SGN-CAH v.v	-AR15	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQSGNCAH-VN#AC*CAH WPAC*CAH
Trẻ em	Trẻ em	-ARCH10	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQSGNCAH- VN#AC*CAH#Q/ARCH10 WPAC*CAH#PCNN
Trẻ nhỏ	Trẻ nhỏ	-ARIN90		FQSGNCAH- VN#AC*CAH#Q/ARIN90 WPAC*CAH#PINF
Quần nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Cà Mau	Người lớn 85% giá M-/S-/K-/Q-/R- SGN-CAH v.v	-AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) bản sao chứng minh thư nhân dân	FQSGNCAH-VN#AC*CAH WPAC*CAH
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Pleiku	Người lớn 85% giá M-/S-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-AR15		FQDADPXU-VN#AC*PXU WPAC*PXU
Trẻ em	Trẻ em	-ARCH10	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQDADPXU-VN#AC*PXU# Q/ARCH10 WPAC*PXU#PCNN
Trẻ nhỏ	Trẻ nhỏ	-ARIN90		FQDADPXU- VN#AC*PXU#Q/ARIN90 WPAC*PXU#PINF

7/10

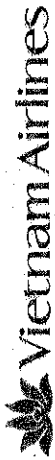


**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3      Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 7/10

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis Chỉ <loại giá>/<mã giảm giá>/<% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Cấu lệnh hiển thị giá/tính giá
Quần nhân, Công chức, Viện chức nhà nước đang công tác tại Pleiku	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) Bản sao chứng minh thư nhân dân	FQDADPXU-VNWAAC*PXU WPAC*PXU



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**

**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3

Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 8/10

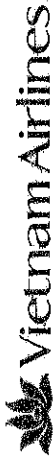
**PHỤ LỤC 3: QUY ĐỊNH GO-SHOW VÀ MUA VÉ TẠI SÂN BAY**

**1. Quy định go-show:**

- + Vé cho hành trình hoàn toàn nội địa xuất tại thị trường Việt Nam và trên website:

Chặng bay	Mùa		Cao điểm*	Thấp điểm*
	Hạng đặt chỗ			
SGN- HAN/HPH/VII/THD/BMV/PXU/ VDE/UIH/DLI/NHA/DAD/HUI/ PQC v.v HAN-PXU/VCA/NHA/DAD/ PQC/VII v.v	Y, B, H		Được phép, miễn phí	
	J, C, M, S		Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá JH-/MH-	Được phép, miễn phí
	D, K, L, Q, N, R, T		Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá JH-/MH-	Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá C-/S-
	G, A, E, P		<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá JH-/MH-</li> <li>Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Không được phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá C-/S-</li> <li>Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Không được phép</li> </ul>
Các chặng bay còn lại	J, Y, B, H, C, M, S		Được phép, miễn phí	





**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG  
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: DKC18/ND version 3

Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 9/10

	D, K, L, Q, N, R, T /S-	Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá C-
	G, A, E, P	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Được phép, thu phí thay đổi theo điều kiện giá (nếu có) và chênh lệch với giá C-/S-</li><li>- Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé: Không được phép</li></ul>

Tuân thủ điều kiện mục 16 khi xử lý go-show đối với khách đã có vé (trong trường hợp có thu phí theo bảng ở trên) .

- + Vé cho hành trình hoàn toàn nội địa xuất tại thị trường nước ngoài: Áp dụng theo quy định hiện hành của VN

**Ghi chú: Quy định Go show không áp dụng trên các chuyến bay: Từ VN4000 đến VN4999 , từ VN8000 đến VN8999**

**2. Mua vé tại sân bay:**

- Hạng Thương gia:
  - + Cao điểm: Mức giá hạng JH
  - + Thấp điểm/không có mùa: Mức giá hạng C
- Hạng Phổ thông:
  - + Cao điểm: Mức giá hạng MH
  - + Thấp điểm/không có mùa: Mức giá hạng S



Vietnam Airlines

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG

ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Số: DKC18/ND version 3

Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 06/04/2018

Trang 10/10

**PHÊ DUYỆT**

Nội dung:

Bộ điều kiện chung giá nội địa Việt Nam: Điều chỉnh cat 5, phụ lục 2, phụ lục 3.

Ngày: \_\_\_\_\_

**THAY MẶT TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**NGUYỄN QUANG TRUNG**

**TRƯỞNG BAN TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM**

**THÔNG TIN BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**

Ngày kiểm tra bảng giá :

Người kiểm tra :

STI: Linh

TNT: Long

PRM-INC:

Phiên bản : 3.0

Thay thế : 2.0

Số trang : 10 (bao gồm cả trang này)

Người làm : HANGNTT-Nguyễn Thị Thúy Hằng

Kiểm nghị phê duyệt \_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_